

Bản án số: 110/2019/HS-ST
Ngày 21-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Lê Anh Giàu (Đoàn thanh niên)

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 109/2019/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. LÊ THÀNH H, sinh năm 1997;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 200/3, Khu phố B, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Số 100A, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thành P, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1973;

Có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án: không;

Tiền sự:

Tại Quyết định số 02/2019/QĐ-XPHC ngày 04/01/2019, Công an phường Phú Tân, thành phố BT đã ra quyết định xử phạt hành chính bị cáo 750.000đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2019 đến ngày 30/5/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

2. HÀ THANH T, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 593B4/14, Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn H(đã mất) và bà Lê Thị Kim T sinh năm 1965; Bản thân bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2019 đến ngày 30/5/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

** Bị hại:*

- Ông Phan Thành V, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Số 540C3, khu phố M, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt);

- Ông Bùi Thành Đ, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: Số 588C1, khu phố M, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt);

Đại diện theo pháp luật của bị hại Bùi Thành Đ: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Cùng nơi cư trú: Số 588C1, khu phố M, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Ông B có mặt, bà N vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Số 268, ấp KC, xã PM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

** Người làm chứng:*

- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 21B, khu phố H, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Số 270A, khu phố H, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

- Ông Hồ Trung H, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Số 155/2, khu phố H, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

- Ông Lê Trần Ngọc D, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Số 234C, TĐ, khu phố BT, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 24/5/2019, bị cáo Lê Thành H đang ở nhà tại số 100A, khu phố 2, phường phú Tân, thành phố BT thì nhìn thấy Phan Thành V và Bùi Thành Đ đang đứng trước cửa trường Trung học cơ sở Vĩnh Phúc nên nói cho Hà Thanh T biết. Nghe vậy, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Đ và V nên kêu H gọi Đ và V vào, H liền ra kêu Đ vào nhà, H khép hờ cửa nhà lại và yêu cầu Đ “Có tiền không, cứu vài vé coi”, Đ vừa nói không có tiền vừa lấy trong bóp ra số tiền 77.000 đồng thì lúc này T đi từ bên ngoài vào chụp lấy số tiền này rồi cầm 01 cây búa bằng kim loại, phần cán dài 24,5cm, đầu búa hình trụ dạng chữ V đem đặt trên bàn sát chỗ Đ đứng và đe dọa Đ “Có tiền sao không trả anh, không có tao giết chết mẹ mày

à”. Lúc này, H nói với T “cái bóp nó còn ngăn kéo” nên T giật cái bóp trên tay Đ lấy số tiền 300.000 đồng rồi đưa lại cho Đ 50.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục kêu Đ đưa điện thoại di động để T chiếm đoạt nhưng Đ nói không có nên H đi ra ngoài gọi V vào. Khi V vừa vào bên trong nhà, T liền kêu V đưa điện thoại di động để chiếm đoạt nhưng V cũng nói không có thì lập tức H đe dọa “Mày giỡn hả, lúc nãy tao thấy mày bấm điện thoại mà”. Do sợ bị đánh nên V đã đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A37 cho H. Khi thấy H đã chiếm đoạt được điện thoại của V, T nói với V “khi nào có 300.000 đồng thì lên lấy điện thoại lại” rồi cho Đ và V ra về. Số tiền 327.000 đồng chiếm đoạt được của Đ, T đưa cho Lê Trần Ngọc D đi mua 290.000 đồng ma túy, 30.000 đồng card điện thoại và 7.000 đồng thuốc lá để T, H, D và Lê Diễm T cùng sử dụng. Riêng chiếc điện thoại di động chiếm đoạt được của V H cất giữ. Sau đó hành vi của T và H bị phát hiện.

Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng, số IMEI1: 867992033490012, số IMEI2: 8679922033490004 có ốp lưng màu vàng nâu; 01 cây búa bằng kim loại, chiều dài 26,5 cm, phần cán dài 24,5 cm, đầu búa hình trụ, phần còn lại hình chữ V; Thu trong người Hà Thanh T 01 túi nylon màu trắng, có sọc xanh hàn kín, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy;

Theo Bảng kết luận định giá tài sản số 777/KL-HĐĐG ngày 07/6/2019 của Hội đồng định giá thành phố BT, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A37, màu hồng, số IMEI1 867992033490012, số IMEI2 8679922033490004, trị giá là 900.000 đồng; 01 ốp lưng bằng nhựa màu vàng nâu, trị giá là 10.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 81/2019/GĐMT ngày 22/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon màu trắng, sọc xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0857 gam.

Ngoài ra, vào khoảng 17 giờ ngày 11/4/2019, trong lúc bị cáo Lê Thành H đang ngồi uống rượu tại nhà của Đinh Thành L ở số 100A1, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố BT thì Lộc điện thoại rủ Nguyễn Thanh N đến cùng uống rượu chung, N đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu cam đen, biển số 71B2-985.90 đến. Được một lúc thì có Hà Thanh T chạy xe Dream đến chơi nhưng không vào uống rượu mà nói đi trả xe Dream cho bạn và nhờ H đi rước dùm, nên H hỏi mượn xe mô tô của N đi thì N đồng ý. Khi vừa ra khỏi nhà L, H nhận được điện thoại của một người tên D (không rõ họ, tên và địa chỉ cụ thể) điện đến đòi tiền. Lúc này, H nảy sinh ý định đem xe mô tô của N đi cầm để lấy tiền. Để thực hiện ý định, bị cáo H liền nhờ T tìm chỗ cầm xe dùm thì T đồng ý và liên hệ với Nguyễn Phước H để cầm xe với giá 1.000.000 đồng, Phước H đồng ý nhưng bị cáo H không lấy tiền mà lấy ma túy về sử dụng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo H nhờ T liên hệ với Phước H cầm thêm số tiền 1.000.000 đồng nhưng cũng không lấy tiền mà lấy ma túy để sử dụng. Đến khoảng 11 giờ ngày 12/4/2019, bị cáo H và T đến gặp Phước H lấy lại xe mô tô biển số 71B2-985.90 để đi cầm cho người khác với giá cao hơn. Bị cáo H tiếp tục nhờ T tìm chỗ cầm giúp, T nhờ Hồ Trung H tìm chỗ cầm, H liên hệ với Trần Thanh T cầm xe với giá 5.000.000 đồng, Trần Thanh T đưa trước cho H số tiền 2.000.000 đồng để về đưa lại cho Hà Thanh T và đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12/4/2019 thì Hà Thanh T đến lấy tiếp số tiền 3.000.000 đồng còn lại. Sau khi nhận được tiền, T cho H 500.000 đồng, trả cho Nguyễn Phước H tiền cầm xe trước đó

2.000.000 đồng, cho anh Phước H thêm 500.000 đồng, mua 900.000 đồng ma túy, T lấy 500.000 đồng và đưa cho bị cáo H số tiền còn lại là 600.000 đồng. Ông Trần Thanh T sau khi nhận cầm xe mô tô biển số 71B2-985.90 đã bán cho một người tên H ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ, tên và địa chỉ cụ thể) nên không thu hồi được.

Theo Bản kết luận định giá trị tài sản số 271/KL-HĐĐG ngày 14/5/2019 của Hội đồng định giá thành phố BT, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu cam đen, số máy: G3D4E314542, số khung: 0610GY299636, biển số 71B2-985.90 (đã qua sử dụng), trị giá là 29.100.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKSTPBT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Thành H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Hà Thanh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Xét về nhân thân và vai trò đồng phạm của các bị cáo thấy:

Bị cáo H có nhân thân xấu, năm 2010 bị cáo bị Ủy ban nhân dân thành phố BT ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi “Cướp tài sản”. Ngày 04/01/2019, bị Công an phường Phú Tân ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo H là người giữ vai trò đầu vụ, đã cùng bị cáo T đe dọa dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.237.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H còn dựa vào sự quen biết và tin tưởng của bị hại đã mượn xe chạy nhưng lại nảy sinh ý định và đi cầm xe lấy tiền tiêu xài cá nhân. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đề nghị cho bị cáo Hòa được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và có ông ngoại là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T là người giữ vai trò giúp sức cũng như tích cực cùng bị cáo H thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị hại; Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, và “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích như trên, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thành H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thành H từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Hòa phải chấp hành hình phạt chung.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Thanh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã giao trả cho bị hại Phan Thành V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, 01 ốp lưng điện thoại màu vàng nâu. Đối với vật chứng 01 cây búa bằng kim loại, chiều dài 26,5cm, phần cán dài 24,5cm, đầu búa hình trụ, phần còn lại hình chữ V nên tịch thu tiêu hủy.

Bị hại Phan Thành V đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, 01 ốp lưng điện thoại màu vàng nâu. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại Đ số tiền 327.000 đồng, các bị hại không yêu cầu gì thêm.

Bị hại Nguyễn Thanh N yêu cầu bị cáo H bồi thường giá trị xe mô tô biển số 71B2-985.90 bị mất không thu hồi được theo định giá là 29.100.000 đồng. Bị cáo H đồng ý bồi thường nên ghi nhận để bị cáo thực hiện.

Các bị cáo Lê Thành H, Hà Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và những người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và những người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, vào khoảng 11 giờ ngày 24/5/2019, tại nhà số 100A, khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố BT, bị cáo Lê Thành H cùng với bị cáo Hà Thanh T đã có hành vi câu kết với nhau đe dọa sẽ dùng vũ lực để chiếm đoạt của Bùi Thành Đ số tiền 327.000 đồng và chiếm đoạt của Phan Thành V 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 cùng ốp lưng điện thoại, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 910.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 11/4/2019, trên địa bàn phường Phú Tân, thành phố BT, bị cáo Lê Thành H còn có hành vi sau khi mượn xe mô tô nhãn hiệu

YAMAHA, số loại EXCITER, màu cam đen, biển số 71B2-985.90, trị giá 29.100.000 đồng của bị hại Nguyễn Thanh N và đem cầm lấy 7.000.000 đồng tiêu xài.

[4] Các bị cáo Lê Thành H, Hà Thanh T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được rằng hành vi đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng vì động cơ tư lợi, các bị cáo H, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng trị giá là 1.237.000 đồng. Ngoài ra, đối với bị cáo H còn lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng giá trị là 29.100.000 đồng. Vì vậy, Bản cáo trạng số 106/CT-VKSTPBT ngày 01/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Thành H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Hà Thanh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[5] Xét về vai trò đồng phạm, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:

Bị cáo H là người giữ vai trò đầu vụ, đã cùng bị cáo T đe dọa dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.237.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H còn dựa vào sự quen biết và tin tưởng của bị hại đã mượn xe mô tô của bạn để chạy nhưng lại nảy sinh ý định đi cầm xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như người phạm tội thành khẩn khai báo và gia đình bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo có con còn nhỏ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo T là người giữ vai trò giúp sức cũng như cùng bị cáo H thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của các bị hại; Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại và người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã gây khó khăn trong cuộc sống của người bị hại đồng thời còn gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân trong việc bảo quản tài sản của mình. Đặc biệt, trong thời gian qua tại khu vực trước Cổng trường Trung học sơ sở Vĩnh Phúc thường xuyên có nạn học sinh khi đi học bị các đối tượng xin tiền, nếu học sinh không cho sẽ bị đe dọa đánh. Để đảm bảo cho học sinh của trường được an toàn, chính quyền địa phương đã phối hợp cùng đoàn phường, đội phường có kế hoạch cử các bộ có mặt hỗ trợ cho các em học sinh vào lúc đi học và tan trường. Vì vậy, thấy cần xử lý các bị cáo thật nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Thành V đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, 01 ốp lưng điện thoại màu vàng nâu. Bị hại Bùi Thành Đ yêu cầu các bị cáo H và T bồi thường số tiền 327.000 đồng. Bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường xong cho bị hại Đ. Các bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận. Bị hại Nguyễn Thanh N yêu cầu bị cáo H bồi thường giá trị xe mô tô biển số 71B2-985.90 bị mất không thu hồi được theo định giá là 29.100.000 đồng. Bị cáo H đồng ý bồi thường nên ghi nhận để bị cáo thực hiện.

[10] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã giao trả cho bị hại Phan Thành V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu hồng, 01 ốp lưng điện thoại màu vàng nâu. Đối với vật chứng 01 cây búa bằng kim loại, chiều dài 26,5cm, phần cán dài 24,5cm, đầu búa hình trụ, phần còn lại hình chữ V cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với Nguyễn Phước H hiện tại không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được hành vi của Phước H, khi nào làm rõ được sẽ được xử lý sau.

Đối với Hà Thanh T và Hồ Trung H khi giúp bị cáo Lê Thành H đi cầm xe mô tô biển số 71B2-985.90 và Trần Thanh T khi nhận cầm xe mô tô biển số 71B2-985.90 không biết xe do bị cáo H phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm là phù hợp.

Đối với đối tượng tên H đã mua xe mô tô của bị hại Nhã, do không rõ họ, tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Đối với Hà Thanh T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng do khối lượng ma túy tàng trữ không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự và T chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi hoặc tội phạm liên quan đến ma túy nên việc Công an thành phố BT ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tùng là phù hợp.

Đối với hành vi của Lê Thành H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Duy K. Do giá trị tài sản H chiếm đoạt có giá trị dưới 4 triệu đồng, bản thân H chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 và Điều 290 của Bộ luật này nên không truy cứu thêm trách nhiệm hình sự mà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo Lê Thành H và Hà Thanh T phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thành H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tuyên bố bị cáo Hà Thanh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thành H: 01 (một) năm 06(sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thành H: 09(chín) tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thành H (Sò) phải chấp hành hình phạt chung là 02(hai) năm 03(ba) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Thanh T: 01 (một) năm 06(sáu) tháng tù .

Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2019;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Lê Thành H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh N 29.100.000(hai mươi chín triệu một trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cây búa bằng kim loại, chiều dài 26,5cm, phần cán dài 24,5cm, đầu búa hình trụ, phần còn lại hình chữ V.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/11/2019, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT đang quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Lê Thành H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.455.000(Một triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn) đồng.

Bị cáo Hà Thanh T phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15(mười lăm ngày) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo, các bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Cơ quan điều tra Công an TP BT (2b);
- Cơ quan THAHS Công an TP BT (2b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (2b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường Phú Tân, Tp. BT(1b);
- UBND phường Phú Khương, Tp.BT(1b);
- Các bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ (7b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (4b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

